

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HS-ST.

Ngày: 15/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thập và bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. A Th (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 12 năm 2000 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Plei Đ, phường Quang T, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Th và bà Y Hl; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 66/2017/HS-ST ngày 12/9/2017 của TAND thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 24/10/2019 chấp hành xong án phạt. Chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. A T (Tên gọi khác: A Ch), sinh ngày 08 tháng 11 năm 1998 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Plei Đ, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A B (đã chết) và bà Y H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. A L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1999 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Plei Trum Đăk Ch, phường Ngô M, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Nh và bà Y H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. A B (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 29 tháng 9 năm 2001 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Plei Đ, phường Quang T, thành phố K, tỉnh Km; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A B và bà Y H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. A B1 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 3 năm 2000 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Kơ N, xã Ngọc B, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Bana; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A W và bà Y B; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/01/2017 của TAND thành phố K, tỉnh K, xử phạt bị cáo A B1 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 03/2017/HS-ST; Ngày 23/11/2016 của TAND huyện Đắk H, tỉnh K, xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 40/2016/HS-ST. Ngày 08/11/2017 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:

1/ Anh A S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Kon Hơ Ngo Kơ T, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

2/ Anh Trần Cao H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Phương Q, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh A T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Kơ N, xã Ngọc B, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Y Y, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Măng L, xã Ngọc B, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tối ngày 02/7/2020, A Th, A Th, A B và A L cùng nhậu tại làng Plei Đ, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K. Do nghi ngờ Trần Cao H nhắn tin quan hệ yêu đương với người yêu của mình nên A Th rủ A Th, A B và A L cùng đi đánh H. Tất cả đồng ý. A Th về nhà lấy 01 con dao rựa dài khoảng 60cm, cán tre, lưỡi sắc mang theo. Tất cả cùng lên xe mô tô (kiểu dáng Dream,

màu sơn bạc, không có biển kiểm soát) do A Th điều khiển, đi đến nhà anh H tại thôn Phương Q, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh K. Đến nơi, A Th gọi H mở cửa thì H mở cửa sổ bên hông nhà ra và nói chuyện. Trong lúc A Th và H đang nói chuyện thì A T dùng con dao rựa mang theo chém vào ngón tay cái của bàn tay trái mà H đang bám trên song cửa sổ. Thấy vậy, A Th nói “*thôi*” và tất cả cùng đi về.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/TgT-TTPY ngày 24/7/2020 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Kon Tum thể hiện thương tích của anh Trần Cao H như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo khớp đốt bàn ngón I bàn tay trái, nền sẹo hồng, kích thước trung bình 2%; Đứt gần lìa ngón I tay trái, đứt gân duỗi ngón I đã phẫu thuật nối gân duỗi, hạn chế vận động khớp liên đốt 7%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 8,86%, làm tròn 9%.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ, ngày 08/8/2020, A Bất điều khiển xe mô tô (kiểu dáng Dream, màu nâu, không có biển kiểm soát) chở bị cáo A Th đi trên đường liên thôn thuộc thôn Măng L, xã Ngọc B, thành phố , tỉnh K. Phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 82B1-352.51 (loại xe Exciter, màu xanh bạc) của anh A S dựng trước nhà chị Y Y không có người trông coi, trên xe còn cắm chìa khóa nên A Th rủ A B1 lấy trộm. A B1 đồng ý rồi đứng ngoài cảnh giới còn A Th đi bộ đến lấy xe mô tô. A Th điều khiển xe mô tô vừa trộm được về nhà mình tại thôn Plei Đ, phường Quang T, thành phố K, tỉnh K. Ngày hôm sau, A Th tháo biển số, tháo phần nhựa đầu xe mô tô vừa trộm được, sơn lại màu xanh lá cây và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 10/8/2020, A Thắng điều khiển xe mô tô này đến nhà A Lon tại thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh K chơi và ngủ lại. Khi cơ quan Công an kiểm tra hành chính nhà A L thì A Th sợ nên đã để xe lại và bỏ chạy.

Kết luận định giá tài sản số 57/ĐG-TS ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố K thể hiện: Giá trị còn lại của xe mô tô biển kiểm soát 82B1-352.51, loại xe Exciter, màu bạc xanh là 24.325.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 145/CT-VKSTPKT ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A Th, A T, A L và A B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo A Th và A B1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình

sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A Th từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; từ 17 đến 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A T từ 09 đến 12 tháng tù; Xử phạt bị cáo A B từ 06 đến 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo A L từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo A B1 từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đều có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử toàn bộ vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo A Th, A T, A B và A L đều thừa nhận: Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 02/7/2020, do nghi ngờ anh Trần Cao H nhả tin quan hệ yêu đương với người yêu của mình nên bị cáo A Th đã rủ các bị cáo A T, A B và A L cùng đi đánh anh H. A T, A B và A L đồng ý. A Th điều khiển xe mô tô (kiểu dáng Dream, màu sơn bạc, không có biển kiểm soát) chở A T, A B và A L ngồi phía sau. Khi đến nhà anh H, anh H không mở cửa chính mà mở cửa sổ nói chuyện với A Th, trong lúc bị cáo A Th và anh H đang nói chuyện thì bị cáo A T đã dùng con dao rựa mang theo chém vào ngón tay cái (ngón I) của bàn tay trái anh H, gây tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 9%. Ngoài ra, cũng tại phiên tòa, bị cáo A Th và bị cáo A B1 khai nhận: Khoảng 19 giờ, ngày 08/8/2020, tại đường liên thôn thuộc thôn Măng L, xã Ngọc B, thành phố K, tỉnh K, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là anh A S trong việc quản lý tài sản, các bị cáo A Th và A B1 đã trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 82B1-352.51 (loại xe Exciter, màu xanh bạc) có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 24.325.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu ba trăm hai lăm nghìn đồng*).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Các bị cáo A Th, A T, A B và A L không có mâu thuẫn gì với anh Trần Cao H nhưng đã vô cớ mang dao rựa đến nhà anh H chém vào ngón tay cái của bàn tay trái anh H (ngón I), gây thương tích cho anh H 9%, thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*”. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo A Th và A B lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của anh A Srôl một xe mô tô biển kiểm soát 82B1-352.51, loại xe Exciter, màu xanh bạc, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 24.325.000 đồng, thuộc trường hợp “*trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

Tất cả các bị cáo: A Th, A T, A B, A L và A B1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo A Th, A T, A B và A L đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo A Th và A B1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tất cả các hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố K.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo A Th là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo A T, A B, A L đến nhà anh Trần Cao H. Bị cáo A T là người chuẩn bị công cụ (dao rựa) và trực tiếp chém vào ngón tay cái của bàn tay trái anh H. Các bị cáo A B và A L là đồng phạm với vai trò giúp sức. Bị cáo A Th cũng là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo bị cáo A B1 đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 82B1-352.51. Bị cáo A B1 là người đứng ngoài cảnh giới nên đồng phạm với vai trò giúp sức.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo A T, A B, A L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là A T, A B, A L và A B1 không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo A Th thực hiện hành vi phạm tội mới khi chưa được xóa án tích của Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2017/HS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum. Do đó, bị cáo A Th phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo A T, A B, A L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo A Th, A B1 có nhân thân xấu, bị cáo A Th đã bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo A B1 đã bị kết án 02 lần đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Nhưng các bị cáo không tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt mức án nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật, có ích cho xã hội và góp phần răn đe phòng ngừa chung.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô, kiểu dáng Dream, màu sơn bạc, không có biển kiểm soát, số khung VKVPCG0032L002560, số máy không xác định được (do bị mài mòn và nhiều bộ phận xe bị thay đổi so với hiện trạng ban đầu). Bị cáo A Th dùng làm phương tiện để chở các bị cáo khác đến nhà anh Trần Cao H thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo A Th khai nhận xe mô tô này là tài sản do bị cáo trộm cắp tại khu vực bờ kè sông Đăk Bl, phường Lê L, thành phố K, tỉnh K. Bị cáo A Th đã tháo biển kiểm soát, thay ống pô xe khác vào và sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K tiếp tục bảo quản xe mô tô này tại kho vật chứng của Công an thành phố K để tiếp tục điều tra, có cơ sở sẽ xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh, biển kiểm soát 82B1-352.51 (hình dáng bên ngoài đã bị thay đổi và đã qua sử dụng) là tài sản của anh A Srôl. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K đã trả lại cho anh A Srôl là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh A S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dream, màu nâu, biển kiểm soát 82B1-236.28 là tài sản của anh A T1. Anh A T1 hoàn toàn không biết việc bị cáo A B1 sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để chở bị cáo A Th đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K đã trả lại cho anh A T1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh A T1 đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 con dao rựa, dài khoảng 60cm, có cán tre, lưỡi sắc là công cụ mà bị cáo A T sử dụng để chém anh Trần Cao H. Sau khi chém anh H, bị cáo A T

đã mang về nhà nhưng bị cáo A Th đã lấy và làm mất. Do bị cáo A Th không nhớ vị trí bị mất nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K không thể tiến hành truy tìm vật chứng nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại anh Trần Cao H yêu cầu các bị cáo A Th, A T, A B và A L bồi thường thiệt hại số tiền là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Các bị cáo đồng ý, đồng thời các bị cáo thống nhất mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Cao H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Anh Trần Cao H đồng ý với thỏa thuận bồi thường của các bị cáo. Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc các bị cáo phải bồi thường như đã thỏa thuận.

[10] Về án phí: Các bị cáo A Th, A T, A Bon, A L và A B1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo A Th (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Các bị cáo A T (Tên gọi khác: A Ch), A B (Tên gọi khác: Không) và A L (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo A B1 (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A Th** 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A Th phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 16/8/2020.

+ Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **A T** 10 (*Mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 18/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo **A B** 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 18/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo **A L** 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 18/8/2020.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A B1** 10 (*Mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 20/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo A Th, A T, A B, A L, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Trần Cao H 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Trần Cao H có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo A Th, A T, A B và A L chậm trả số tiền nêu trên thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo A Th, A T, A B, A L, A B1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo A Th, A T, A B, A L, mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- CCTHA DS TP K;
- Công an TP K;
- Phòng PV27 công an tỉnh K;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Thu

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa